

**ĐẠI HỌC HUẾ**



**BÀI GIẢNG KẾ TOÁN  
TÀI CHÍNH II**

**NGUYỄN THỊ THANH HUYỀN**

**HUẾ - 2006**

# MỤC LỤC

## CHƯƠNG 1: KẾ TOÁN LƯU CHUYỂN HÀNG HOÁ TRONG DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI..... 1

1.1. Kế toán quá trình mua hàng.....	1
1.1.1. Đặc điểm nghiệp vụ mua hàng trong doanh nghiệp thương mại.....	1
1.1.1.1. Khái niệm về nghiệp vụ mua hàng.....	1
1.1.1.2. Các phương thức mua hàng trong doanh nghiệp thương mại.....	1
1.1.1.3. Phạm vi và thời điểm ghi chép hàng mua.....	3
1.1.1.4. Phương pháp xác định giá mua hàng hoá.....	4
1.1.1.5. Các phương thức thanh toán tiền mua hàng.....	6
1.1.1.6. Nhiệm vụ của kế toán nghiệp vụ mua hàng.....	7
1.1.2. Kế toán nghiệp vụ mua hàng trong nước.....	7
1.1.2.1. Chứng từ kế toán sử dụng.....	7
1.1.2.2. Phương pháp hạch toán nghiệp vụ mua hàng trong nước.....	8
1.1.3. Kế toán nghiệp vụ mua hàng nhập khẩu.....	27
1.1.3.1. Hạch toán nghiệp vụ mua hàng nhập khẩu theo phương pháp kê khai thường xuyên	
1.1.3.2. Hạch toán nghiệp vụ mua hàng nhập khẩu theo phương pháp kiểm kê định kỳ..	37
1.2. Kế toán quá trình bán hàng.....	38
1.2.1. Đặc điểm nghiệp vụ bán hàng trong doanh nghiệp thương mại.....	38
1.2.1.1. Khái niệm về nghiệp vụ bán hàng.....	38
1.2.1.2. Các phương thức bán hàng trong doanh nghiệp thương mại.....	38
1.2.1.3. Phạm vi và thời điểm xác định hàng bán.....	40
1.2.1.4. Giá bán hàng hoá.....	41
1.2.1.5. Các phương thức thu tiền hàng.....	42
1.2.1.6. Nhiệm vụ của kế toán nghiệp vụ bán hàng.....	42
1.2.2. Kế toán nghiệp vụ bán hàng trong nước.....	43
1.2.2.1. Chứng từ kế toán sử dụng.....	43
1.2.2.2. Kế toán nghiệp vụ bán hàng trong nước ở các doanh nghiệp hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên.....	43
1.2.2.3. Kế toán nghiệp vụ bán hàng trong nước ở các doanh nghiệp hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ.....	66
1.2.3. Kế toán nghiệp vụ bán hàng xuất khẩu.....	66
1.2.3.1. Kế toán nghiệp vụ bán hàng xuất khẩu theo phương pháp kê khai thường xuyên	
1.2.3.2. Kế toán nghiệp vụ bán hàng xuất khẩu theo phương pháp kiểm kê định kỳ.....	72
1.3. Kế toán xác định kết quả hoạt động tiêu thụ.....	73

1.3.1. Kế toán chi phí của hoạt động tiêu thụ.....	73
1.3.1.1. Đặc điểm chi phí của hoạt động tiêu thụ.....	73
1.3.1.2. Nhiệm vụ của kế toán chi phí trong các doanh nghiệp thương mại.....	74
1.3.1.3. Kế toán chi phí bán hàng.....	74
1.3.1.4. Kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp.....	80
1.3.2. Kế toán xác định kết quả hoạt động tiêu thụ .....	84
1.3.2.1. Khái niệm và nội dung kết quả hoạt động tiêu thụ trong doanh nghiệp thương mại	
1.3.2.2. Phương pháp hạch toán.....	84

## **CHƯƠNG 2: KẾ TOÁN CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM TRONG DOANH NGHIỆP XÂY LẮP..... 96**

2.1. Tổng quan về chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm trong doanh nghiệp xây lắp..	96
2.1.1. Đặc điểm sản xuất xây lắp.....	96
2.1.1.1. Đặc điểm tổ chức thi công sản phẩm xây lắp:.....	96
2.1.1.2. Đặc điểm ngành xây dựng chi phối đến việc tổ chức kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành.....	97
2.1.2. Đặc điểm chi phí sản xuất xây lắp.....	98
2.1.2.1. Đối tượng hạch toán chi phí.....	98
2.1.2.2. Nội dung các khoản mục chi phí cấu thành giá thành sản phẩm xây lắp.....	99
2.1.3. Đặc điểm giá thành sản phẩm xây lắp.....	101
2.1.3.1. Các loại giá thành trong sản xuất xây lắp.....	101
2.1.3.2. Đối tượng tính giá thành và kỳ tính giá thành trong sản xuất xây lắp.....	102
2.1.3.3. Phương pháp tính giá thành sản phẩm xây lắp.....	103
2.1.3.4. Phương pháp đánh giá sản phẩm dở dang trong doanh nghiệp xây lắp.....	103
2.2.1. Kế toán tập hợp chi phí sản xuất.....	104
2.2.1.1. Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp.....	104
2.2.1.2. Đối với chi phí nhân công trực tiếp.....	105
2.2.1.3. Đối với chi phí sử dụng máy thi công.....	106
2.2.1.4. Đối với chi phí sản xuất chung.....	109
2.2.2. Kế toán các khoản thiệt hại trong sản xuất xây lắp.....	111
2.2.2.1. Thiệt hại phá đi làm lại.....	111
2.2.2.2. Thiệt hại ngừng sản xuất.....	112
2.2.3. Kế toán sửa chữa và bảo hành công trình xây lắp.....	113
2.2.4. Kế toán tổng hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm xây lắp.....	114
2.2.4.1. Phương pháp tổng hợp và phân bổ chi phí sản xuất.....	114
2.2.4.2. Kế toán tổng hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm xây lắp.....	116
2.3. Kế toán xác định kết quả hoạt động xây lắp.....	119

2.3.1. Kế toán doanh thu tiêu thụ sản phẩm trong doanh nghiệp xây lắp.....	119
2.3.1.1. Đặc điểm doanh thu tiêu thụ trong doanh nghiệp xây lắp.....	119
2.3.1.2. Tài khoản kế toán sử dụng.....	121
2.3.1.3. Phương pháp hạch toán.....	122
2.3.2. Kế toán xác định kết quả trong doanh nghiệp xây lắp.....	123
2.3.2.1. Đặc điểm kế toán xác định kết quả trong doanh nghiệp xây lắp.....	123
2.3.2.2. Tài khoản kế toán sử dụng.....	123
2.3.2.3. Phương pháp hạch toán.....	123

### **CHƯƠNG 3: KẾ TOÁN CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM TRONG DOANH NGHIỆP SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP..... 128**

3.1. Đặc điểm sản xuất và quản lý của doanh nghiệp sản xuất nông nghiệp.....	128
3.1.1. Đặc điểm sản xuất nông nghiệp.....	128
3.1.1.1. Ruộng đất là tư liệu sản xuất chủ yếu và đặc biệt trong sản xuất của doanh nghiệp sản xuất.....	128
3.1.1.2. Sản phẩm nông nghiệp có khả năng tái sản xuất tự nhiên.....	128
3.1.1.3. Đối tượng sản xuất là những cơ thể sống.....	129
3.1.2. Đặc điểm tổ chức quản lý sản xuất nông nghiệp.....	129
3.2. Kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm trong doanh nghiệp sản xuất nông nghiệp.....	130
3.2.1. Một số vấn đề chung.....	130
3.2.2. Kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm của một số hoạt động sản xuất phụ.....	131
3.2.2.1. Đối với hoạt động sản xuất, chế biến phân hữu cơ.....	131
3.2.2.2. Đối với công việc cày kéo.....	131
3.2.2.3. Đối với hoạt động vận tải.....	132
3.2.3. Kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm của ngành trồng trọt.....	132
3.2.3.1. Đặc điểm chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm của ngành trồng trọt.....	132
3.2.3.2. Nội dung các khoản mục chi phí sản xuất cấu thành giá thành sản phẩm ngành trồng trọt.....	133
3.2.3.3. Hạch toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm cây ngắn ngày.....	133
3.2.3.4. Hạch toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm cây trồng 1 lần thu hoạch nhiều lần.....	136
3.2.3.5. Hạch toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm cây lâu năm.....	137
3.2.4. Kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm của ngành chăn nuôi.....	139
3.2.4.1. Đặc điểm sản xuất của ngành chăn nuôi.....	139
3.2.4.2. Nội dung các khoản mục chi phí sản xuất cấu thành giá thành sản phẩm chăn nuôi.....	

3.2.4.3. Kế toán chăn nuôi súc vật sinh sản.....	139
3.2.4.4. Kế toán chăn nuôi SV lấy sữa.....	141
4.2.4.5. Kế toán chăn nuôi súc vật lấy thịt.....	142
3.2.4.6. Kế toán chăn nuôi gia cầm.....	143
3.2.4.7. Kế toán chăn nuôi ong.....	145
3.2.4.8. Kế toán chăn nuôi cá.....	146
3.2.5. Kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm của ngành chế biến.....	147

## **CHƯƠNG 4: KẾ TOÁN CÔNG TY CỔ PHẦN..... 153**

4.1. Tổng quan về công ty cổ phần.....	153
4.1.1. Đặc điểm kinh tế - pháp lý của công ty cổ phần.....	153
4.1.2. Vai trò, nhiệm vụ của kế toán công ty.....	154
4.1.2.1. Vai trò.....	154
4.1.2.2. Nhiệm vụ.....	155
4.2. Kế toán một số nghiệp vụ cơ bản trong công ty cổ phần.....	155
4.2.1. Kế toán góp vốn thành lập công ty.....	155
4.2.1.1. Các quy định chung về thành lập công ty.....	155
4.2.1.2. Phương pháp hạch toán nghiệp vụ góp vốn thành lập công ty.....	157
4.2.2. Kế toán tăng, giảm vốn điều lệ.....	160
4.2.2.1. Các trường hợp tăng, giảm vốn điều lệ trong công ty cổ phần.....	160
4.2.2.2. Kế toán một số trường hợp tăng vốn điều lệ.....	162
4.2.2.3. Kế toán một số trường hợp giảm vốn điều lệ.....	164
4.2.3. Kế toán phát hành và chuyển đổi trái phiếu.....	168
4.2.3.1. Kế toán phát hành trái phiếu.....	168
4.2.3.2. Kế toán chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu.....	174
4.2.4. Kế toán chi trả cổ tức cho các cổ đông.....	174
4.2.4.1. Một số quy định về chi trả cổ tức trong công ty cổ phần.....	174
4.2.4.2. Phương pháp tính lãi trên cổ phiếu.....	175
4.2.4.3. Kế toán chi trả cổ tức bằng tiền.....	176
4.2.4.4. Kế toán chi trả cổ tức bằng cổ phiếu.....	177
4.2.4.5. Kế toán chi trả cổ tức bằng tài sản.....	177
4.2.5. Kế toán tổ chức lại và giải thể công ty.....	178
4.2.5.1. Kế toán chia công ty.....	178
4.2.5.2. Kế toán tách công ty.....	180
4.2.5.3. Kế toán sáp nhập công ty.....	182
4.2.5.4. Kế toán giải thể công ty.....	183

**ĐẠI HỌC HUẾ  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ**

**BÀI GIẢNG  
KẾ TOÁN TÀI CHÍNH 2**

**Biên soạn: NGUYỄN THỊ THANH HUYỀN**

HUẾ, 2006

# CHƯƠNG 1

## KẾ TOÁN LƯU CHUYỂN HÀNG HOÁ TRONG DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI

### **Mục tiêu của chương:**

Học xong chương này sinh viên phải nắm được các kiến thức cơ bản sau:

- Đặc điểm hoạt động kinh doanh trong các doanh nghiệp thương mại.
- Điểm khác nhau giữa tổ chức công tác kế toán trong các doanh nghiệp kinh doanh thương mại và doanh nghiệp sản xuất công nghiệp.
- Nắm rõ phương pháp hạch toán nghiệp vụ mua hàng trong doanh nghiệp thương mại theo chế độ kế toán hiện hành, bao gồm cả hoạt động mua hàng trong nước và mua hàng nhập khẩu.
- Nắm rõ phương pháp hạch toán nghiệp vụ bán hàng trong doanh nghiệp thương mại theo chế độ kế toán hiện hành, bao gồm cả hoạt động bán hàng trong nước và bán hàng xuất khẩu.
- Nắm rõ phương pháp hạch toán phân bổ và kết chuyển doanh thu, chi phí để xác định kết quả hoạt động tiêu thụ trong doanh nghiệp thương mại, trong đó đặc biệt chú trọng về phương pháp hạch toán phân bổ chi phí thu mua hàng hoá và chi phí bảo hành sản phẩm hàng hoá.

**Số tiết:** 30 tiết

### **Nội dung của chương:**

#### 1.1. Kế toán quá trình mua hàng

##### 1.1.1. Đặc điểm nghiệp vụ mua hàng trong doanh nghiệp thương mại

###### 1.1.1.1. Khái niệm về nghiệp vụ mua hàng

Chức năng chủ yếu của doanh nghiệp thương mại là tổ chức lưu thông hàng hoá, đưa hàng hoá từ nơi sản xuất đến nơi tiêu dùng thông qua mua bán. Trong đó, mua hàng là giai đoạn đầu tiên của quá trình lưu chuyển hàng hoá, là quan hệ trao đổi giữa người mua và người bán về trị giá hàng hoá thông qua quan hệ thanh toán tiền hàng, là quá trình vốn doanh nghiệp chuyển hoá từ hình thái tiền tệ sang hình thái hàng hoá - Doanh nghiệp nắm được quyền sở hữu về hàng hoá nhưng mất quyền sở hữu về tiền hoặc có trách nhiệm thanh toán tiền cho nhà cung cấp.

Đối với hoạt động kinh doanh thương mại, hoạt động mua hàng bao gồm: mua hàng trong nước (hay mua hàng nội địa) và mua hàng nhập khẩu (mua hàng của các quốc gia khác).

###### 1.1.1.2. Các phương thức mua hàng trong doanh nghiệp thương mại

Tùy thuộc vào loại hình doanh nghiệp thương mại mà có thể có các phương thức mua hàng khác nhau. Cụ thể:

a. Đối với các doanh nghiệp thương mại nội địa, việc mua hàng có thể được thực hiện theo hai phương thức: phương thức mua hàng trực tiếp và phương thức chuyển hàng.

+ Mua hàng theo phương thức trực tiếp: Căn cứ vào hợp đồng kinh tế đã ký kết, doanh nghiệp cử cán bộ nghiệp vụ mang giấy uỷ nhiệm nhận hàng đến đơn vị bán để nhận hàng theo

quy định trong hợp đồng hay để mua hàng trực tiếp tại cơ sở sản xuất, tại thị trường và chịu trách nhiệm vận chuyển hàng hoá về doanh nghiệp.

+ Mua hàng theo phương thức chuyển hàng: Bên bán căn cứ vào hợp đồng kinh tế đã ký kết hoặc đơn đặt hàng, chuyển hàng tới cho bên mua, giao hàng tại kho của bên mua hay tại địa điểm do bên mua quy định trước.

b. Đối với các doanh nghiệp kinh doanh xuất - nhập khẩu hàng hoá, việc mua hàng nhập khẩu cũng có thể được tiến hành theo hai phương thức: nhập khẩu trực tiếp và nhập khẩu uỷ thác.

+ Nhập khẩu trực tiếp là phương thức kinh doanh mà trong đó đơn vị tham gia hoạt động nhập khẩu trực tiếp đàm phán, ký kết hợp đồng với nước ngoài; trực tiếp nhận hàng và thanh toán tiền hàng.

+ Nhập khẩu uỷ thác là phương thức kinh doanh mà trong đó đơn vị tham gia hoạt động nhập khẩu (có đăng ký kinh doanh xuất - nhập khẩu, có giấy phép xuất - nhập khẩu) không đứng ra trực tiếp đàm phán với nước ngoài mà phải nhờ qua một đơn vị xuất - nhập khẩu có uy tín thực hiện hoạt động nhập khẩu cho mình.

Như vậy, đối với phương thức nhập khẩu uỷ thác, sẽ có hai bên tham gia trong hoạt động nhập khẩu, gồm: bên giao uỷ thác nhập khẩu (bên uỷ thác) và bên nhận uỷ thác nhập khẩu (bên nhận uỷ thác). Đồng thời, để thực hiện việc nhập khẩu hàng hoá uỷ thác, phải thực hiện hai hợp đồng:

- Hợp đồng uỷ thác nhập khẩu được ký kết giữa bên giao uỷ thác nhập khẩu và bên nhận uỷ thác nhập khẩu, trong đó có quy định các điều khoản có liên quan đến nghĩa vụ của mỗi bên tham gia hợp đồng. Hợp đồng này chịu sự điều chỉnh của luật kinh doanh trong nước.

- Hợp đồng mua - bán ngoại thương được thực hiện giữa bên nhận uỷ thác nhập khẩu và bên nước ngoài, trong đó có điều khoản quy định về nhập khẩu hàng hoá. Hợp đồng này chịu sự điều chỉnh của luật kinh doanh trong nước, luật kinh doanh quốc tế và luật của nước xuất khẩu.

Theo hợp đồng uỷ thác nhập khẩu, trách nhiệm của các bên được quy định như sau:

Bên giao uỷ thác nhập khẩu (bên uỷ thác) có trách nhiệm:

+ Căn cứ vào hợp đồng uỷ thác nhập khẩu để chuyển vốn cho bên nhận uỷ thác nhập khẩu.

+ Quản lý số tiền giao cho bên nhận uỷ thác nhập khẩu để nhập khẩu hàng hoá và nộp các khoản thuế liên quan đến hàng nhập khẩu.

+ Tổ chức nhận và quản lý số hàng nhập khẩu do bên nhận uỷ thác chuyển giao.

+ Thanh toán hoa hồng uỷ thác nhập khẩu căn cứ vào tỷ lệ % hoa hồng đã quy định trong điều khoản hợp đồng cùng các chi phí khác (nếu có) cho bên nhận uỷ thác.

Bên nhận uỷ thác nhập khẩu (bên nhận uỷ thác) có trách nhiệm:

+ Đứng ra ký kết hợp đồng mua - bán ngoại thương

+ Nhận tiền của bên giao nhập khẩu để thanh toán với người xuất khẩu hàng hoá và nộp hộ các khoản thuế liên quan đến hàng nhập khẩu.

+ Đứng ra nhập khẩu hàng hoá, thanh toán và tham gia các khiếu nại, tranh chấp nếu xảy ra.

+ Phải trả tiền chi phí nếu trong điều khoản hợp đồng quy định do người nhận uỷ thác nhập khẩu phải chịu.

+ Chịu trách nhiệm kê khai và nộp hộ thuế nhập khẩu hàng hoá, thuế giá trị gia tăng và thuế tiêu thụ đặc biệt của hàng hoá nhập khẩu theo từng lần nhập khẩu với cơ quan hải quan.



+ Được hưởng hoa hồng theo tỷ lệ % quy định trong điều khoản hợp đồng uỷ thác.

### 1.1.1.3. Phạm vi và thời điểm ghi chép hàng mua

#### a. Phạm vi của chỉ tiêu hàng mua

Trong các doanh nghiệp thương mại nói chung, hàng hoá được coi là hàng mua khi thoả mãn đồng thời 3 điều kiện sau:

- Phải thông qua một phương thức mua - bán - thanh toán tiền hàng nhất định.
- Doanh nghiệp đã nắm được quyền sở hữu về hàng và mất quyền sở hữu về tiền hay một loại hàng hoá khác.

- Hàng mua vào nhằm mục đích để bán hoặc qua gia công, chế biến để bán.

Ngoài ra, các trường hợp ngoại lệ sau cũng được coi là hàng mua:

- Hàng mua về vừa để bán, vừa để tiêu dùng trong nội bộ doanh nghiệp mà chưa phân biệt rõ giữa các mục đích thì vẫn coi là hàng mua.

- Hàng hoá hao hụt trong quá trình mua theo hợp đồng bên mua chịu.

Còn những trường hợp sau đây không được coi là hàng mua:

- Hàng nhận biếu tặng
- Hàng mẫu nhận được
- Hàng dôi thừa tự nhiên
- Hàng mua về dùng trong nội bộ hoặc dùng cho xây dựng cơ bản
- Hàng nhập từ khâu gia công, sản xuất phụ thuộc
- Hàng nhận bán hộ, bảo quản hộ

Cụ thể, đối với những doanh nghiệp thương mại kinh doanh xuất - nhập khẩu, những hàng hoá sau được xác định là hàng nhập khẩu:

- Hàng mua của nước ngoài dùng để phát triển kinh tế và thoả mãn nhu cầu tiêu dùng trong nước theo hợp đồng mua bán ngoại thương.

- Hàng đưa vào Việt Nam tham gia hội chợ, triển lãm, sau đó nước ta mua lại và thanh toán bằng ngoại tệ.

- Hàng tại các khu chế xuất (phần chia thu nhập của bên đối tác không mang về nước) bán tại thị trường Việt Nam, thu ngoại tệ.

Những hàng hoá sau đây không được xác định là hàng nhập khẩu:

- Hàng tạm xuất, nay nhập về
- Hàng viện trợ nhận đạo
- Hàng đưa qua nước thứ ba (quá cảnh)

#### b. Thời điểm ghi chép hàng mua

- Thời điểm chung để xác định và ghi nhận việc mua hàng đã hoàn thành: là thời điểm doanh nghiệp nhận được quyền sở hữu về hàng hoá và mất quyền sở hữu về tiền tệ (đã thanh toán tiền cho nhà cung cấp hoặc chấp nhận thanh toán).

- Thời điểm cụ thể: Tuỳ thuộc vào từng phương thức mua hàng mà thời điểm xác định hàng mua có khác nhau. Cụ thể:

Đối với những doanh nghiệp thương mại nội địa:

+ Nếu mua hàng theo phương thức mua trực tiếp, thời điểm xác định hàng mua là khi đã hoàn thành thủ tục chứng từ giao nhận hàng, doanh nghiệp đã thanh toán tiền hay chấp nhận thanh toán cho người bán.

+ Nếu mua hàng theo phương thức chuyển hàng, thời điểm xác định hàng mua là khi doanh nghiệp đã nhận được hàng (do bên bán chuyển đến), đã thanh toán tiền hoặc chấp nhận thanh toán với người bán.

Đối với các doanh nghiệp thương mại kinh doanh xuất - nhập khẩu: Thời điểm mua hàng còn phụ thuộc vào thời điểm giao hàng và chuyên chở. Chẳng hạn, nếu nhập khẩu theo điều kiện CIF:

+ Vận chuyển bằng đường biển: Thời điểm ghi (xác định) hàng nhập khẩu tính từ ngày hải quan cảng ký vào tờ khai hàng hoá nhập khẩu.

+ Vận chuyển bằng đường hàng không: Thời điểm ghi (xác định) hàng nhập khẩu tính từ ngày hàng hoá được chuyển đến sân bay đầu tiên của nước ta theo xác nhận của hải quan sân bay.

Việc xác định đúng phạm vi và thời điểm xác định hàng mua có ý nghĩa rất lớn đối với doanh nghiệp, nó đảm bảo cho việc ghi chép chỉ tiêu hàng mua một cách đầy đủ, kịp thời, chính xác, giúp cho lãnh đạo có cơ sở để chỉ đạo nghiệp vụ mua hàng; đồng thời quản lý chặt chẽ hàng hoá đã thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp, giám sát chặt chẽ hàng mua đang đi đường, tránh những tổn thất về hàng hoá trong quá trình vận chuyển.

#### 1.1.1.4. Phương pháp xác định giá mua hàng hoá

Theo quy định, khi phản ánh trên các sổ sách kế toán, hàng hoá được phản ánh theo giá thực tế nhằm bảo đảm nguyên tắc giá phí.

Giá thực tế của hàng hoá mua vào được xác định theo công thức sau:

$$\begin{array}{l} \text{Giá thực tế} \\ \text{của hàng hoá} \\ \text{mua ngoài} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Giá mua của} \\ \text{hàng hoá} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Các khoản thuế} \\ \text{không hoàn lại} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Giảm giá hàng mua} \\ \text{Chiết khấu thương mại} \\ \text{Hoa hồng} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Chi phí phát sinh trong} \\ \text{quá trình mua hàng} \end{array}$$

Trong đó:

- Giá mua của hàng hoá là số tiền mà doanh nghiệp phải trả cho người bán theo hợp đồng hay hoá đơn. Tùy thuộc vào phương thức tính thuế giá trị gia tăng doanh nghiệp đang áp dụng, giá mua hàng hoá được quy định khác nhau. Cụ thể:

+ Đối với doanh nghiệp tính thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ, giá mua của hàng hoá là giá mua chưa có thuế giá trị gia tăng đầu vào.

+ Đối với doanh nghiệp tính thuế giá trị gia tăng theo phương pháp trực tiếp trên giá trị gia tăng và đối với những hàng hoá không thuộc đối tượng chịu thuế giá trị gia tăng thì giá mua của hàng hoá bao gồm cả thuế giá trị gia tăng đầu vào.

Riêng đối với hoạt động nhập khẩu, do đồng tiền sử dụng trong thanh toán với nhà cung cấp (nhà xuất khẩu) là đồng ngoại tệ nên khi ghi sổ phải quy đổi ra đồng Ngân hàng Nhà nước Việt Nam theo tỷ giá mua Ngân hàng công bố tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ.